



TIN HỌC VÀ HỆ THỐNG SỔ KẾ TOÁN CỦA ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH SỰ NGHIỆP

BÙI QUỐC ĐỊNH



Theo Quyết định số 257 TC-CDKT của Bộ Tài chính ban hành ngày 01 tháng 06 năm 1990 thì hệ thống Sổ Kế toán (SKT) của đơn vị hành chính sự nghiệp (HCSN) gồm có 18 loại mẫu sổ và được phân làm hai loại chính như sau :

A. Các SKT tổng hợp : là các mẫu sổ (từ số 01 cho đến số 04) được dùng để ghi chép, phản ánh, tập hợp và hệ thống hóa tất cả các nghiệp vụ kinh tế (NVKT), tài chính phát sinh theo nội dung kinh tế quy định trong các tài khoản của hệ thống tài khoản kế toán, nhằm kiểm tra giám đốc sự biến động của tất cả các loại vốn, nguồn vốn trong đơn vị HCSN. Số liệu trên các SKT tổng hợp là căn cứ đối chiếu với số liệu trên các SKT chi tiết và là căn cứ để lập báo cáo kế toán.

B. Các SKT chi tiết : là các mẫu sổ (từ số 05 cho đến số 18) được dùng để ghi chép, phản ánh sự biến động của từng loại vốn, nguồn vốn, từng loại chi phí qua các NVKT, tài chính phát sinh. Các loại sổ này được ghi chép chi tiết hàng ngày căn cứ vào nội dung các NVKT phát sinh được phản ánh trên các chứng từ ban đầu hợp lệ. Số liệu trên các SKT chi tiết là căn cứ để đối chiếu với số liệu kiểm kê cuối kỳ và số liệu trên các SKT tổng hợp.

Căn cứ vào nội dung cụ thể của các loại SKT nói trên, để thực hiện tự động hóa việc in SKT trên giấy in liên tục khổ 80 ký tự và khổ 136 ký tự bằng các thiết bị vi tính, với mong muốn nâng cao hiệu quả công tác kế toán, chúng tôi xin đề nghị được thiết kế lại hệ thống SKT này với các nguyên tắc như sau :

1. Nguyên tắc đảm bảo thông tin

Nội dung của nguyên tắc này là khảo sát lại toàn bộ các mẫu SKT, xác định các thông tin kế toán (TTKT) phải đảm bảo đúng theo các yêu cầu và nhiệm vụ của công tác kế toán để thiết kế lại hệ thống SKT pháp định. Hệ

thống SKT này phải đảm bảo vừa phản ánh tổng hợp vừa phản ánh chi tiết từng loại vốn, nguồn vốn của đơn vị HCSN. Để phục vụ kịp thời cho sự chỉ đạo và quản lý hoạt động của đơn vị, với khả năng làm việc của máy vi tính, TTKT còn có thể được biểu thị trên màn hình máy tính hoặc in ra giấy khi cần sử dụng một số nội dung cụ thể nào đó.

2. Nguyên tắc mẫu mã tương tự

Do ghi chép bằng tay, để phản ánh được các đối tượng khác nhau của kế toán, nội dung và hình thức của các SKT trước đây rất khác biệt với nhau dẫn đến việc lập trình in tự động SKT cài đặt trên máy vi tính (MVT) rất phức tạp, nặng nề chiếm nhiều dung lượng bộ nhớ của MVT và tốc độ vận hành chậm. Do đó phải xác định các yếu tố giống nhau của các SKT để thiết kế các mẫu SKT có nội dung khác nhau nhưng hình thức tương tự giúp cho việc lập trình trở nên đơn giản, gọn nhẹ và tốc độ vận hành được nhanh chóng.

3. Nguyên tắc ít cột nhiều dòng

Cũng do ghi chép bằng tay nên để

phản ánh được đầy đủ chi tiết các đối tượng của kế toán, các SKT trước đây thường bao gồm rất nhiều cột, phần lớn từ 10 cột trở lên (mẫu số 03, 05, 16, vv.. có 16 cột), thậm chí có SKT lên đến 23 cột (mẫu số 15) làm cho một số SKT trở nên quá lớn. Chẳng lẽ nếu có nội dung kinh tế mới phát sinh đòi hỏi phải được phản ánh thì các SKT lại phải tăng thêm cột sao ? Các SKT quá khổ còn làm cho việc lưu trữ bảo quản rất bất tiện. Hơn thế nữa ở một số đối tượng, NVKT phát sinh lại không thường xuyên (Ví dụ Tài sản cố định) việc dùng mẫu SKT quá khổ để phản ánh rất dễ gây lãng phí. Hiện nay các thiết bị vi tính và giấy in quá khổ cũng không phổ biến. Như vậy rõ ràng không thể chấp nhận phát triển theo chiều hướng tăng cột được mà phải chuyển sang thiết kế theo hình thức ít cột nhiều dòng. Với nguyên tắc này, các SKT được thiết kế lại trở nên đơn giản và dễ hiểu, thuận lợi cho việc tự động hóa và cơ giới hóa hoàn toàn việc in SKT trên giấy in liên tục với các thiết bị MVT.

Dựa vào các nguyên tắc

THÔNG BÁO

Tạp chí Phát triển Kinh tế kính mời cộng tác viên và bạn đọc viết bài cũng như đón đọc tạp chí quý II/94 với chủ đề sau:

- Tháng 4.1994: Phát triển nông nghiệp và nông thôn.
- Tháng 5.1994: Công nghiệp hóa và hiện đại hóa nền kinh tế quốc dân.
- Tháng 6.1994: Vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường

này, chúng tôi thiết kế cụ thể các loại SKT nói trên như sau :

I. CÁC SỔ KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Khi đã dùng máy vi tính vào công tác kế toán thì không cần dùng sổ Chứng từ ghi sổ (mẫu số 01) và sổ đăng ký chứng từ (mẫu số 02) vì việc tập hợp số liệu của một hoặc nhiều chứng từ gốc theo từng loại nghiệp vụ kinh tế tài chính đã do máy vi tính đảm nhiệm.

2. Đối với Sổ cái thì dùng mẫu số 03a-SKT/HCSN và thiết kế lại như sau:

So với mẫu quy định, mẫu này đã thay thế cột "Chứng từ ghi sổ" (gồm 2 cột nhỏ số hiệu và ngày tháng) thành cột "Số thứ tự các bút toán tổng hợp" và bỏ cột "ghi chú" (nội dung của cột này sẽ được ghi chép chung ở cột "diễn giải"). Đồng thời ghi thêm 2 nội dung là "số dư đầu tháng" và "cộng số lũy kế từ đầu năm". Mỗi một BTTH sẽ được ghi thành 2 dòng trên Sổ cái (xem mẫu số 03a cải tiến).

Sổ dĩ có sự thay đổi như trên là vì với các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong tháng có cùng nội dung kinh tế và quan hệ đối ứng tài khoản (theo nguyên tắc 1 Nợ - 1 Có) thì sẽ được máy tính tổng hợp lại thành một bút toán tổng hợp (BTTH). Do đó cách ghi cột số 1 của mẫu này lệ thuộc vào số thứ tự của BTTH trong tập tin các BTTH. Ví dụ : 001/BTTH (ba số đầu là số thứ tự của BTTH và được ghi ở dòng thứ 1, ngày tháng năm phát sinh của BTTH được ghi ở dòng thứ 2). Sổ này được tổ chức theo hình thức tờ rời in hàng tháng nên phải ghi thêm số dư đầu tháng. Còn số lũy kế từ đầu năm nhằm đối chiếu với Bảng cân đối tài khoản (mẫu số 01-BCKT, cột số 5 và 6).

(xem biểu)

II. CÁC SỔ KẾ TOÁN CHI TIẾT

Đối với các mẫu sổ kế toán chi tiết, gồm từ mẫu số 05 đến mẫu số 18, để đảm bảo hạch toán tổng hợp và chi tiết sự biến động của từng tài khoản, chúng tôi đề nghị tổ chức lại như sau :

1 Các sổ Kế toán tài khoản : gồm các sổ theo dõi sự biến động của từng loại tài khoản. Loại này gồm các mẫu số sau : (xem biểu)

So với các mẫu quy định, mẫu này được thiết kế chung để phản ánh sự biến động của từng tài khoản trong bảng. Đối với các tài khoản ngoài bảng thì bỏ cột số 3. Các mẫu số này là cơ sở để đối chiếu với Sổ Cái.

Tóm lại trên đây là một số suy nghĩ nhằm mục đích đặt vấn đề đảm bảo tính hợp pháp và khoa học của hệ thống SKT khi ứng dụng MVT vào việc tự động hóa việc in SKT trong đơn vị hành chính sự nghiệp. Dịp khác sẽ bàn tiếp các chi tiết của một số tài khoản cần phản ánh chi tiết ♣

Bộ, (Sở) :

Đơn vị :

Mẫu số 03a/SKT
cải tiến

SỔ CÁI

Tháng : 01 Năm : 1993

Tài khoản : 50

Tiểu khoản : 501

Số ký hiệu các bút toán tổng hợp	Diễn giải	Số hiệu Tài khoản đối ứng	Số tiền	
			Nợ	Có
1	2	3	4	5
Số dư đầu tháng			0	
001/BTTH 31.01.93	Rút HMKP nhập Quỹ TM tháng 1/93.	8412	1.000.000	
002/BTTH 31.01.93	Chi tạm ứng bằng tiền mặt tháng 1/93.	621		200.000
003/BTTH 31.01.93	Chi HCSN bằng tiền mặt tháng 1/93.	382		160.000
Cộng số phát sinh trong tháng			1.000.000	360.000
Cộng số lũy kế từ đầu quý			1.000.000	360.000
Cộng số lũy kế từ đầu năm			1.000.000	360.000
Số dư cuối tháng			640.000	

1. SỔ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH - TK 10 mẫu số 05a
2. SỔ HAO MÒN TSCĐ - TK 11 mẫu số 05c
3. SỔ CCLĐN XUẤT DỪNG mẫu số 06a
4. SỔ VẬT LIỆU - TK 21 mẫu số 08
5. SỔ SẢN PHẨM, HÀNG HÓA - TK 24
6. SỔ CHI PHÍ SX, KD DỊCH VỤ - TK 31 mẫu số 09
7. SỔ CHI PHÍ HÀNH CHÍNH SỰ NGHIỆP - TK 38 mẫu số 10a
8. SỔ CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN TK 35 mẫu số 10b
9. SỔ CHI TIẾT TIÊU THỤ - TK 40 mẫu số 11
10. SỔ QUỸ TIỀN MẶT - TK 50 mẫu số 12a
11. SỔ THEO DÕI TIỀN GỘI KBNN - TK 51 mẫu số 13
12. SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN (TK 60, 61, 62, 63, 64, 66, 68, 69, 70, 80, 81, 82, 83, 84, 90, 92, 01, 02, 03, 05, 07, 08) mẫu số 14

Mẫu ví dụ :

Bộ, (Sở) :

Đơn vị :

Mẫu cải tiến
mẫu số 12a

SỔ QUỸ TIỀN MẶT

Tháng : 01 Năm : 1993

Tài khoản : 50

Tiểu khoản : 501

Chứng từ Số hiệu, ngày tháng	Diễn giải	Số hiệu Tài khoản đối ứng	Số tiền	
			Nợ	Có
1	2	3	4	5
Số dư đầu tháng			0	
001/PT 02.01.93	Thu HMKP nhập QTM. Võ ngọc Ẩn P.TVTB	8412	1.000.000	
001/PC 02.01.93	Tạm ứng công tác phí. Nguyễn Việt K.KTN	621		200.000
002/PC 15.01.93	Chi công tác phí. Phạm văn Năng BGH	382		60.000
003/PC 27.01.93	Chi tiền điện thoại T1/93. Nguyễn thủy Hương P.TVTB	382		100.000
Cộng số phát sinh trong tháng			1.000.000	360.000
Số dư cuối tháng			640.000	